

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 142/2021/DS-ST
Ngày 29 – 6 – 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng K). Địa chỉ: Số V, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Bé L, sinh năm 1975; chức vụ: Phó phòng KHCN – Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ: Số I, đường PH, phường L, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền số 56/UQ-CNCM.21, ngày 26/01/2021 (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A, đường PB, khóm Y, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số A, đường PB, khóm Y, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông Huỳnh Bé L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Bà Nguyễn Thị Ánh T và Ngân hàng thương mại cổ phần K có ký các hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố sau:

- Hợp đồng số A882650/HĐTD-CC và số A882654/HĐTD-CC cùng ngày 16/9/2019 vay 20.000.000đ, hình thức vay tín chấp, không cầm cố tài sản, mục đích vay: Mua bán nhỏ, ngày giải ngân 17/9/2019. Thời hạn vay 180 ngày, lãi suất 16%/năm (tính lãi gộp), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hình thức thanh toán lãi và vốn vay được trả góp hàng ngày.

- Hợp đồng số A882654/HĐTD-CC cùng ngày 16/9/2019 vay 20.000.000đ, mục đích vay: Mua bán nhỏ, ngày giải ngân 17/9/2019. Thời hạn vay 180 ngày, lãi suất 16%/năm (tính lãi gộp), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hình thức thanh toán lãi và vốn vay được trả góp hàng ngày.

Tài sản dùng để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A882654/HĐTD-CC ngày 16/9/2019 là xe Honda Vision, biển số 69F1-389.83, số khung 3817DY519577, số máy JF33E0599734 đứng tên Nguyễn Thị Ánh T, hiện chiếc xe chị T đang quản lý, sử dụng. Trong quá trình vay chị T đã thanh toán cho Ngân hàng 48 ngày với số tiền là 1.508.192 đồng, còn lại 132 ngày chưa góp.

Tính đến ngày 29/6/2021, chị T còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền gốc và lãi là 40.713.060 đồng, trong đó: vốn gốc: 29.333.333 đồng, lãi trong hạn 2.314.521 đồng và lãi quá hạn: 9.065.205 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu chị T tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ. Nếu chị T không thanh toán xong, yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ánh T và chị Nguyễn Thị Tuyết N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho chị T, chị N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị T, chị N vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn Nguyễn Thị Ánh T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị T và chị N.

Về tư cách tố tụng: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Tuyết N cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng K. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định bà N không trực tiếp vay tiền, nhận tiền vay mà chỉ có nghĩa vụ thanh toán nợ thay khi chị T không thực hiện nghĩa vụ

thanh toán. Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự thay đổi tư cách tố tụng của chị N thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] Về nội dung: Ngân hàng K yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh T thanh toán các khoản nợ của 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/6/2021, tổng cộng vốn, lãi là 40.713.060 đồng và lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng của Ngân hàng K. Hội đồng xét xử thấy rằng, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A882650/HĐTD-CC và số A882654/HĐTD-CC cùng ngày 16/9/2019 giữa chị Nguyễn Thị Ánh T với Ngân hàng K được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu trả nợ vốn, lãi phù hợp với ký nhận nợ của bị đơn, Hợp đồng tín dụng đã ký. Bị đơn không có ý kiến nên không xem xét. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng K, tính đến ngày 29/6/2021 với tổng số là 40.713.060 đồng, trong đó vốn gốc: 29.333.333 đồng, lãi trong hạn 2.314.521 đồng và lãi quá hạn: 9.065.205 đồng và lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Đối với tài sản cầm cố: Tại hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A882654/HĐTD-CC ngày 16/9/2019, cầm cố tài sản là xe mô tô xe Honda Vision, biển số 69F1-389.83, số khung 3817DY519577, số máy JF33E0599734 đứng tên Nguyễn Thị Ánh T hiện giấy chứng nhận đăng ký xe Ngân hàng quản lý; chiếc xe mô tô chị T đang quản lý, sử dụng. Xét hợp đồng cầm cố trên được thực hiện đúng quy định pháp luật, hợp pháp nên theo yêu cầu của Ngân hàng tiếp tục duy trì hợp đồng trên để đảm bảo cho ngân hàng thu hồi nợ là phù hợp.

[5] Đối với nghĩa vụ của người liên đới trách nhiệm là chị Nguyễn Thị Tuyết N: Tại Điều 4 của 02 hợp đồng thể hiện, người liên đới trách nhiệm chịu trách nhiệm trả nợ thay nếu người vay không hoàn trả nợ vay theo đúng hợp đồng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu đối với chị N. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463; 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi.

Buộc chị Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày

29/6/2021 là 40.713.060 đồng (bốn mươi triệu bảy trăm mười ba nghìn không trăm sáu mươi đồng), trong đó vốn gốc: 29.333.333 đồng, lãi trong hạn 2.314.521 đồng và lãi quá hạn: 9.065.205 đồng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng cầm cố số A882654/HĐTD-CC ngày 16/9/2019 tài sản là xe Honda Vision, biển số 69F1-389.83, số khung 3817DY519577, số máy JF33E0599734 đứng tên Nguyễn Thị Ánh T giấy chứng nhận đăng ký số 018848 do Công an Cà Mau cấp ngày 25/10/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K và chị Nguyễn Thị Ánh T để đảm bảo cho Ngân hàng thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Bản án sơ thẩm (ngày 29/6/2021), chị Nguyễn Thị Ánh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải nộp 2.035.000 đồng (chưa nộp). Ngân hàng K không phải nộp án phí. Ngày 02/02/2021. Ngân hàng K đã nộp tiền tạm ứng án phí 951.000 đồng tại biên lai số 0000589, được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

Nguyễn Thị Ngọc Hân

Đối với nghĩa vụ của người liên đới trách nhiệm: Tại Điều 4 của 02 hợp đồng thể hiện, người liên đới trách nhiệm chịu trách nhiệm trả nợ thay nếu người vay không hoàn trả nợ vay theo đúng hợp đồng. Do đó, không có cơ sở buộc chị N cùng có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ vay với chị T